



NHỮNG “NÚT THẮT”

trong phát triển tập đoàn kinh tế nhà nước

TS. Nguyễn Minh Phong *

1. Những nút thắt trong hoạt động của tập đoàn kinh tế nhà nước (KTNN)

Vai trò của các tập đoàn KTNN nói riêng, của khu vực KTNN nói chung được quy định bởi sự tồn tại tất yếu của vai trò kinh tế của nhà nước trong nền kinh tế của bất kỳ quốc gia nào.

Ở Việt Nam, sự tồn tại và

phát triển của tập đoàn KTNN gắn liền với quan niệm về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong quá trình CNH-HĐH, gắn liền với quá trình đổi mới thể chế kinh tế, trong đó nổi bật là chủ trương xây dựng các tổng công ty (90 và 91) năm 1994; ban hành Luật Doanh nghiệp Nhà nước năm 1995; tiến hành cổ phần hóa một bộ

phần lực lượng DNNN từ năm 1996 (thí điểm từ năm 1993); thí điểm tổ chức tập đoàn kinh tế nhà nước năm 2005...

Hiện tại, ở Việt Nam, có 12 tập đoàn KTNN đang hoạt động, với nguồn vốn chủ yếu dựa vào NSNN như là động lực quan trọng nhất cho sự phát

* Viện Nghiên cứu phát triển KT-XH Hà Nội



Sự tồn tại và phát triển của tập đoàn kinh tế nhà nước gắn liền với quan niệm về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong công nghiệp hóa - hiện đại hóa

triển của nền kinh tế, đặc biệt trong việc định hình và phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội quốc gia, đầu tư môi, tạo cú huých và duy trì động lực tăng trưởng, tạo việc làm xã hội và bảo đảm sự ổn định chung của nền kinh tế...

Nhà nước ta đã, đang và còn tiếp tục đặt nhiều kỳ vọng vào phát triển các tập đoàn KTNN thành những tập đoàn kinh tế mạnh, mang tầm vóc quốc tế, tiếp tục đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế đất nước trong giai đoạn mới.

Bên cạnh những thành công và đóng góp tích cực vào quá trình phát triển đất nước không thể phủ nhận, các tập đoàn

KTNN của Việt Nam còn nhiều hạn chế, nhất là về phương hướng, mô hình hoạt động và hiệu quả đầu tư. Hoạt động của nhiều tập đoàn KTNN luôn đi cùng với lãng phí và tốn kém, thậm chí với mức độ ngày càng nặng nề... mà điển hình là Tập đoàn kinh tế Nhà nước Vinashin. Đầu tư và quản lý đầu tư của các tập đoàn KTNN kém hiệu quả không chỉ khiến hiệu quả đầu tư xã hội bị hạn chế, mà còn làm gia tăng nhiều hệ quả tiêu cực to lớn và kéo dài khác, như: Tăng sức ép lạm phát trong nước; mất cân đối vĩ mô - trong đó có cân đối ngành, sản phẩm, cán cân xuất - nhập khẩu, cán cân thanh toán, dự trữ

ngoại hối và tích lũy - tiêu dùng, cũng như mất cân đối và gia tăng chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng, miền, địa phương và bộ phận dân cư trong xã hội; tăng tình trạng tham nhũng và bóp méo cơ chế kinh tế thị trường; hạn chế sức cạnh tranh và chất lượng phát triển của nền kinh tế trong hội nhập. Đặc biệt, đầu tư của các tập đoàn KTNN kém hiệu quả trực tiếp làm tăng gánh nặng và tác động tiêu cực của chiếc bẫy nợ nần lên đất nước, do làm tăng nợ chính phủ, nhất là nợ nước ngoài. Thậm chí, gánh nặng nợ nần của Tập đoàn kinh tế Nhà nước Vinashin với những mập mờ trong cơ chế trả

nợ quốc tế mà nó đang mắc phải, còn làm giảm uy tín Chính phủ, khiến các tổ chức tín nhiệm nước ngoài hạ thấp điểm xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam trên thị trường tín dụng quốc tế, gây tổn thương hình ảnh đất nước (trên thực tế, các hãng đánh giá tín nhiệm như Investors Service của Moody's, Standard & Poor's và Fitch Ratings đều đã hạ điểm xếp hạng tín dụng của Việt Nam trong những tháng gần đây, đa phần do các vấn đề tại Vinashin. Thủ tướng Việt Nam đã xin lỗi về vai trò của mình trong việc quản lý yếu kém của Vinashin tại một phiên chất vấn ở Quốc hội được truyền hình trực tiếp.

Báo cáo của *Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp* ngày 15/2/2011 cho thấy, quy mô vốn chủ sở hữu của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước được xác định là 540.701 tỷ đồng, tăng 11,75% so với năm 2009. Trong khi đó, tổng lợi nhuận trước thuế là 70.778 tỷ đồng. Như vậy, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu chỉ đạt khoảng 13,1%, thấp hơn nhiều so với lãi suất vay ngân hàng thương mại trong năm vừa qua. Đặc biệt, có đến 80% tổng số lợi nhuận trước thuế đến từ 4 tập đoàn: dầu khí, viễn thông quân đội, bưu chính viễn thông và cao su. Như vậy, ở các tập đoàn, tổng công ty còn lại, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu còn thấp hơn nữa.

Nguyên nhân của tình trạng trên có nhiều và không có gì bí mật. Nguồn vốn nhà nước đã eo hẹp lại đầu tư không hợp lý, đầu tư nhiều vào các ngành tư

nhân sẵn sàng đầu tư; đầu tư thiếu tập trung và dứt điểm cho các công trình trọng điểm có khả năng lan tỏa, dẫn dắt chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Ngoài ra, hiệu quả đầu tư công thấp còn chịu ảnh hưởng bởi cơ chế quản lý kém, thiếu minh bạch, khép kín; bởi năng lực và trách nhiệm cán bộ quản lý quá thấp kém, bởi nạn tham nhũng, lợi ích cục bộ, phe nhóm, địa phương, sự nể nang cảm tính và tư duy nhiệm kỳ; thiếu kiểm soát và chế tài kịp thời, nghiêm khắc, trách nhiệm chưa rõ ràng và nhất là do thiếu phối hợp đồng bộ các chính sách, các cấp, ngành và các bên hữu quan trên cơ sở một Luật đầu công tư còn thiếu vắng ở nước ta...

Đặc biệt, cho đến nay, trong cơ chế quản lý các DNNN nói chung, tập đoàn KTNN nói riêng, vẫn đang tồn tại những "nút thắt" sau:

Thứ nhất, chưa thể chế hóa quản lý nhà nước đối với tập đoàn KTNN

Cho đến nay, dường như vẫn còn mù mờ về vai trò của chủ sở hữu hoặc người đại diện chủ sở hữu; quyền chủ động điều hành sản xuất, kinh doanh của tập đoàn với yêu cầu đầu tư của Nhà nước vì lợi ích chung; vai trò và cơ chế trách nhiệm, quyền lợi của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên.

Đặc biệt, sự phân cấp quản lý chưa thống nhất và rõ ràng, nhiều tầng nấc, khiến từ Thủ tướng Chính phủ đến Bộ chủ quản và chính quyền địa phương đều có thể can thiệp trực tiếp (nhưng lại không hoặc dễ thoái thác việc chịu trách nhiệm liên đới) vào hoạt động của tập đoàn KTNN hoặc

doanh nghiệp thành viên của nó. Một số tập đoàn KTNN còn được trao chức năng có tính quản lý nhà nước về chuyên ngành, dẫn đến "hành chính nhà nước hóa" trong mối liên hệ với các doanh nghiệp khác, cũng như với chính quyền địa phương.

Thứ hai, chưa phân định rõ yêu cầu và cơ chế quản lý giữa hoạt động đầu tư vì lợi nhuận và phi lợi nhuận.

Trên thực tế, trong các tập đoàn và DNNN, đang có sự nhập nhằng giữa nguồn vốn hoạt động vì lợi nhuận với nguồn vốn hoạt động phi lợi nhuận. Trách nhiệm xã hội của các tập đoàn KTNN đối với ổn định kinh tế vĩ mô song hành, trùng lặp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, từ đó dẫn đến đầu tư của tập đoàn vừa bị phân tán, vừa dễ bị lạm dụng, kém hiệu quả.

Thứ ba, tên gọi và mô hình tổ chức của tập đoàn KTNN cũng chưa rõ hoặc còn những bất cập.

Điều trớ trêu là bản thân các tập đoàn KTNN lại không được công nhận tên gọi chính danh theo bất kỳ cơ sở pháp lý nào: Luật Doanh nghiệp Nhà nước năm 2003 chỉ có khái niệm tổng công ty. Còn Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã nêu rõ: "Chính phủ quy định hướng dẫn tiêu chí, tổ chức quản lý và hoạt động của tập đoàn kinh tế". Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 5/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp đã quy định rõ: "Tập đoàn kinh tế không có tư cách pháp nhân, không phải đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh

nghiệp”. Còn Luật DNNN thì đã chính thức bãi bỏ từ 1/7/2010. Như vậy, luật định hiện hành cho thấy tập đoàn không có tư cách pháp nhân, không phải là một tổ chức kinh tế chính danh, nhưng thực tế, 12 tập đoàn KTNN đã được đăng ký kinh doanh và đang có tư cách pháp nhân kiểu “mặc định”, trong đó có cả tập đoàn mới được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2005!?

Hơn nữa, theo đúng Luật Doanh nghiệp 2005, các tập đoàn và tổng công ty phải chuyển tên gọi thành công ty TNHH hoặc công ty cổ phần, nhưng liệu có hợp lý khi công ty mẹ là Công ty TNHH, trong khi các công ty con lại là Tổng công ty Ví dụ, Công ty mẹ là Công ty TNHH Dầu khí Việt Nam (tập đoàn hiện nay), trong khi các công ty con lại là Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí, Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí và Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí?

2. Một số định hướng tháo gỡ

Tái cấu trúc và đổi mới cơ chế quản lý khu vực DNNN nói chung, các tập đoàn KTNN nói riêng để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế, tạo động lực tích cực phát triển các thành phần kinh tế khác phù hợp với cơ chế thị trường và mục tiêu phát triển của đất nước đang và sẽ còn tiếp tục là vấn đề bức xúc đối với Việt Nam. Trên tinh thần đó, cần đổi mới tổ chức và hoạt động của các tập đoàn KTNN theo hướng sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa, kể cả cổ phần hóa toàn tổng công ty; giảm, thu hẹp tỷ trọng và giảm thiểu số lượng doanh nghiệp mà Nhà nước giữ cổ phần chi phối, chỉ duy trì doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trong những ngành, lĩnh vực mà nhà nước cần độc quyền, giữ vị trí then chốt của nền kinh tế và các lĩnh vực mà doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân không hoặc chưa muốn, chưa có khả năng tham gia; nghiên cứu sửa đổi ngay những quy định không phù hợp đang cản trở quá trình cổ phần hóa DNNN, trong đó trước hết liên quan đến vấn đề xác định giá trị doanh nghiệp, chọn đối tác chiến lược, bán cổ phần ưu đãi cho người lao động, tăng tính xã hội ngay trong công ty cổ phần.

Thứ hai, dừng việc thành lập các tập đoàn kinh tế nhà nước mang tính hành chính không phù hợp với quy luật phát triển doanh nghiệp; đánh giá, xem xét lại những tập đoàn đã thành lập trong các năm qua, nếu cần thiết nên sắp xếp lại.

Ưu tiên xây dựng các mô hình tập đoàn kinh tế đa sở hữu, đảm nhận vai trò chủ lực trong nền kinh tế, được vận hành theo đúng quy luật kinh tế trên cơ sở sự tự nguyện thoả thuận liên kết, hợp tác giữa các pháp nhân độc lập. Chính phủ sẵn sàng ủng hộ thành lập tập đoàn kinh tế tư nhân như Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng khẳng định tại buổi gặp mặt đại diện các doanh nghiệp trẻ Việt Nam tại Hà Nội, chiều 11/2/2011.

Thứ ba, bãi bỏ hoặc giảm thiểu việc Chính phủ bảo lãnh tín dụng hoặc cho vay chỉ định

đối với DNNN; tạo áp lực buộc tất cả DNNN phải huy động vốn qua cơ chế thị trường. Chính phủ chỉ hỗ trợ tín dụng cho những DNNN hoạt động cung cấp hàng hóa công cộng, mà không thu hút được các thành phần kinh tế khác đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ chính trị do Chính phủ giao (loại doanh nghiệp này chịu sự giám sát bằng cơ chế riêng).

Thứ tư, buộc tất cả các tập đoàn và tổng công ty nhà nước phải công bố thông tin hoạt động, nhất là về tài chính như quy định đối với các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Thứ năm, tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách về thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu Nhà nước đối với DNNN, đặc biệt là quản lý đầu tư, tài chính, cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát và các quy định về cổ phần hóa, sắp xếp, đổi mới DNNN; sớm nghiên cứu thành lập một cơ quan ngang Bộ để thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu (nhà nước) quản lý toàn bộ vốn kinh doanh của nhà nước; trên cơ sở đó xóa hoàn toàn cơ chế “chủ quản” hiện nay. Cơ quan này chịu sự giám sát trực tiếp của Quốc hội.

Thứ sáu, khẩn trương xây dựng Luật Quản lý vốn Nhà nước hoặc Luật Đầu tư công tạo cơ sở pháp lý cần thiết điều chỉnh bằng Luật đối với các hoạt động đầu tư công, trong đó có đầu tư của các DNNN trong 2 dạng hoạt động vì lợi nhuận và phi lợi nhuận.

Đặc biệt, cần phân định rõ thẩm quyền, nghĩa vụ của từng

cấp từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) trong thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và phần vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác. Các Bộ được giao làm đại diện chủ sở hữu tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động của doanh nghiệp theo cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước. Việc đầu tư, kế hoạch sản xuất hàng năm, huy động vốn... thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng. Nghiên cứu để phân cấp cho hội đồng thành viên có thẩm quyền quyết định việc thành lập chi nhánh. Việc thành lập mới doanh nghiệp phải báo cáo chủ sở hữu. Việc huy động vốn có liên quan đến ngoài nước phải có thẩm định của Bộ Tài chính. Nội dung phê duyệt, thẩm định, chấp thuận cần được cụ thể hóa trong văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định này; xây dựng nghị định riêng đối với Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước theo nguyên tắc tập trung vốn của các doanh nghiệp nhỏ để đầu tư cho doanh nghiệp lớn...

Cần xây dựng bộ tiêu thức phù hợp và chuẩn hóa để tạo căn cứ lựa chọn và thông qua các dự án đầu tư công theo lĩnh vực và yêu cầu đầu tư, mục tiêu kinh tế - xã hội, môi trường, cũng như các lợi ích quốc gia và địa phương, ngành, cụ thể và

dài hạn; có phân biệt 2 loại mục tiêu và 2 loại tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư công - đầu tư vì lợi nhuận và đầu tư phi lợi nhuận.

Không nên đóng khung sự phối hợp chính sách chỉ trong nội bộ các cơ quan chính phủ với các doanh nghiệp nhà nước, mà cần gắn kết chặt chẽ, mở rộng dân chủ hóa với giới doanh nghiệp và viện, trường và các tầng lớp dân chúng khác. Sử dụng chuyên gia trong nước và nước ngoài có trình độ và khách quan nhằm đánh giá, phản biện độc lập các tác động 2 mặt của dự án đầu tư công lớn. Làm tốt việc này sẽ hạn chế bớt những hoạt động đầu tư công gắn với lợi ích cục bộ, chủ quan và ngắn hạn của các quan chức chuyên nghiệp và chính trị trong đầu tư công.

Về dài hạn, cần chủ động giảm thiểu dần đầu tư công, tăng đầu tư ngoài NSNN trong tổng đầu tư xã hội; tái cơ cấu đầu tư công, tăng đầu tư phát triển các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản; khoa học và công nghệ, đào tạo và y tế; tiết giảm việc cấp vốn ngân sách cho nhu cầu đầu tư của khối các tổng công ty, tập đoàn Nhà nước và chuyển trọng tâm đầu tư công ra ngoài lĩnh vực kinh tế, để tập trung vào phát triển các lĩnh vực hạ tầng và xã hội. Đồng thời, kiên quyết thắt tay cắt những dự án đầu tư nếu không đạt các tiêu chí về hiệu quả kinh tế - xã hội và chưa bảo đảm các yêu cầu về thủ tục, tập trung vốn cho các dự án bảo đảm hoàn thành trong hạn định và có hiệu quả cao; cắt giảm các công trình đầu tư công bằng

nguồn ngân sách có quy mô quá lớn, chưa thật cấp bách, có thời gian đầu tư dài. Khuyến khích các chủ đầu tư huy động vốn ngoài ngân sách để đầu tư theo phương thức chia khóa trao tay, có đặt cọc bảo hành - bảo đảm chất lượng công trình.

Kiên quyết chống tham nhũng và thực hiện thường xuyên hơn trách nhiệm giải trình trong đầu tư công. Công khai các thông tin, quy trình, thủ tục, danh mục dự án vận động đầu tư, nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, quy định rõ về chính sách và các ràng buộc, chế tài nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng cam kết. Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán các dự án đầu tư công. Kiểm toán nhà nước và các cơ quan thanh tra, kiểm tra tài chính cần tăng cường công tác chuyên môn nghiệp vụ để thẩm định, đối chiếu, so sánh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật. Kiên quyết xuất toán các khoản chi sai mục đích, không đúng khối lượng, đơn giá, không đúng tiêu chuẩn định mức, vượt dự toán lớn. Cần thực hiện chế độ trách nhiệm vật chất, kể cả trách nhiệm đối với nhà thầu, tư vấn giám sát trong việc xác nhận thanh toán khối lượng thiếu trung thực, không đúng quy định. Việc thanh toán vốn đầu tư phải được tiến hành theo đúng quy trình và phương thức thanh toán theo tiến độ thực hiện. Làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị trong quản lý đầu tư công. Người, tổ chức quyết định đầu tư sai, gây lãng

phí, thất thoát phải bị xử phạt hành chính, cắt chức hoặc truy cứu trách nhiệm. Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện về hiệu quả, chất lượng của dự án, chấm dứt tình trạng giao cho người không đủ điều kiện năng lực và chuyên môn nghiệp vụ thực hiện quản lý dự án; phát hiện kịp thời những vấn đề phát sinh và đề xuất các biện pháp xử lý kịp thời, nghiêm minh những sai phạm trong việc sử dụng NSNN cho đầu tư công. Phải kiên quyết đình hoãn những dự án không hiệu quả, không bố trí vốn những dự án không đủ thủ tục đầu tư, không phê duyệt dự án nếu không xác định được nguồn vốn thực hiện cho việc đầu tư mới... Cần có nghiên cứu, quy định cụ thể hơn về quyền và nghĩa vụ của người có thẩm quyền quyết định đầu

tư, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, các tổ chức tư vấn; phân định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư và ban quản lý dự án trong các hình thức quản lý dự án cụ thể (tự tổ chức quản lý, thuê tư vấn quản lý và uỷ thác đầu tư); nhất là trách nhiệm của các tổ chức tư vấn đầu tư trong các lĩnh vực lập dự án, thẩm định dự án, đánh giá đầu tư, quản lý dự án đầu tư... Thực hiện công khai hóa kế hoạch, chương trình mục tiêu và dự án đầu tư công: Việc công khai hóa các nội dung trên là yêu cầu bắt buộc đối với các cơ quan liên quan nhằm cung cấp thông tin đến mọi người dân và các cơ quan quản lý để thực hiện giám sát, góp phần chống tiêu cực trong đầu tư; cần làm rõ hơn nội dung, trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong phân cấp quản lý đầu tư, đảm

bảo giảm thủ tục hành chính, nhưng hiệu lực thi hành cần được tuân thủ đầy đủ, với các chế tài đủ mạnh, nhằm khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, chậm đưa công trình vào sử dụng, hiệu quả kinh tế, xã hội hạn chế. Bên cạnh hệ thống giám sát nhà nước, cũng cần xem xét bổ sung quy định các hoạt động đầu tư công chịu sự giám sát của cộng đồng, xác lập quyền và trách nhiệm của cộng đồng trong vai trò giám sát đối với các hoạt động đầu tư công. Nghiên cứu quy định rõ các hành vi bị cấm và các chế tài đủ mạnh để xử lý các hành vi vi phạm ở các mức độ khác nhau; góp phần ngăn chặn những hành vi tiêu cực và làm cơ sở pháp lý để xử lý các sai phạm trong đầu tư công nói chung, đầu tư của các tập đoàn KTNN nói riêng. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quyết định số 14/2011/QĐ-TTg ngày 04/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước (có hiệu lực từ ngày 20/4/2010).

2. Thông báo số 25/TB-VPCP ngày 25/2/2011 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng thường trực Nguyễn Sinh Hùng tại cuộc họp Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp.

3. Quyết định số 1568/CT-TTg ngày 19/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Kết luận số 78-KL/TW ngày 26/7/2010 của Bộ Chính trị.

4. Kết luận số 78-KL/TW ngày 26/7/2010 của Bộ Chính

trị của Bộ Chính trị về Báo cáo kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 9 (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội X của Đảng về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và về Đề án tiếp tục củng cố, phát huy vai trò của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

5. Thông báo số 174/TB-VPCP ngày 28/06/2010 của Văn phòng Chính phủ: kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

6. Công văn số 2347/TTg-ĐMDN ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ v/v triển

khai thực hiện Nghị định số 25/2010/NĐ-CP.

7. Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 05/8/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

8. Thông tư số 79/2010/TT-BTC ngày 24/5/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

9. Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu...